**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**(*Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)***

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE**

***(Quý 1/2021)***

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb**

 Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

1. **Mục tiêu của Quỹ:**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

|  |  |
| --- | --- |
| NAV ngày 31/03/2020 (VNĐ) | NAV ngày 31/03/2021 (VNĐ) |
| 104.656.121.822 | 109.511.565.627 |

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 4,64% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cùng kỳ năm trước.

1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.

1. **Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

1. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

1. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

1. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |
| --- | --- |
| Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng) | 100.329.681.900 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ) | 10.032.968,19 |

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 10.032.968,19 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 100.329.681.900 VNĐ.

1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

1. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**:

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

**II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/03/2021****(%)** | **31/03/2020****(%)** | **31/03/2019****(%)** |
| 1. Tiền gửi ngân hàng
 | 1,55 | 1,19 | N/A |
| 1. Các khoản tương đương tiền
 | 0 | 0 | N/A |
| 1. Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng
 | 80,91 | 85,71 | N/A |
| 1. Chứng chỉ tiền gửi
 | 13,67 | 9,52 | N/A |
| 1. Khác
 | 3,88 | 3,58 | N/A |
| Cộng | **100,00** | **100,00** | **N/A** |

1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2021** | **31/03/2020** | **31/03/2019** |
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)  | 109.511.565.627 | 104.656.121.822 | N/A |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 10.032.968,19 | 10.057.399,09 | N/A |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ) | 10.915,17 | 10.405,88 | N/A |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 10.915,17 | 10.405,88 | N/A |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 10.805,78 | 10.276,01 | N/A |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước. | 4,89 | 1,28 | N/A |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,00 | 0,00 | N/A |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) so với cùng kỳ năm trước. | 4,89 | 1,28 | N/A |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2,04 | 2,06 | N/A |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 27,52 | 0 | N/A |

1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm** |
| - 1 năm | 4,89 | 4,89 |
| - 3 năm | N/A | N/A |
| - Từ khi thành lập | 9,15 | 4,49 |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | 19,07% (\*\*\*) | 9,53% |

1. **Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/03/2021****(%)** | **31/03/2020****(%)** | **31/03/2019****(%)** | **31/03/2018****(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 4,89 | 1,28 | N/A | N/A |

***Ghi chú:***

*N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*N/A (\*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*N/A (\*\*): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.*

*(\*\*\*): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo.*

**III.** **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

1. **Kinh tế Vĩ mô:**

**Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2021 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 3,68% của quý I/2020.** Từ cuối tháng Một đến đầu tháng Ba, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại một số địa phương, ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình kinh tế – xã hội cả nước, kết quả tăng trưởng quý I cho thấy sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự nỗ lực của các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp để tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%, đóng góp 8,34% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,3%, đóng góp 55,96%; khu vực dịch vụ tăng 3,34%, đóng góp 35,70%.

****

**Lạm phát tiếp tục kiểm soát ổn định dưới 1,5% so với mức kỳ vọng do nhu cầu tiêu dùng mùa tết sụt giảm bị ảnh hưởng bởi Covid 19, đây cũng là mức lạm phát quý 1 thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2021 giảm 0,27% so với tháng trước. CPI bình quân quý I/2021 so với cùng kỳ năm 2020 tăng 0,29%; CPI tháng 3/2021 tăng 1,31% so với tháng 12/2020 và tăng 1,16% so với cùng kỳ năm 2020. Giá xăng dầu, giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới và chịu sự tác động ngắn hạn bởi tình trạng tắc nghẽn giao thông tại kênh đào Suez trong cuối tháng 3.

****

**Về hoạt động sản xuất:** theo IHS Markit, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers’ Index - PMI) ngành sản xuất Việt Nam đã tăng lên 53,6 điểm trong tháng 3 so với 51,6 điểm trong tháng 2, cho thấy sức khỏe của lĩnh vực sản xuất cải thiện mạnh mẽ.

Theo báo cáo của IHS Markit, số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng tháng thứ bảy liên tiếp và với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 7/2019. Trong một số trường hợp, khách hàng đã tăng quy mô đơn hàng trong tháng. Cũng có những dấu hiệu cho thấy nhu cầu quốc tế đã cải thiện, từ đó số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài đã tăng mạnh nhất kể từ tháng 11/2018.

Trong khi đó, sản xuất tăng nhanh hơn tháng 2, với tốc độ tăng đạt mức cao của 20 tháng. Sản lượng tăng ở cả ba lĩnh vực thị trường khảo sát, với lĩnh vực hàng hoá tiêu dùng dẫn đầu.

Số lượng đơn đặt hàng mới và yêu cầu sản xuất tăng đã khuyến khích các nhà sản xuất tăng số lượng nhân viên và hoạt động mua hàng trong tháng 3.

**Hoạt động xuất nhập khẩu vẫn là điểm sáng trong lĩnh vực kinh tế trong năm 2021,** tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước vẫn đạt 543,9 tỉ USD, duy trì mức cao qua các năm.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu quý I/2021 ước tính đạt 77,34 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 18,3 tỷ USD, tăng 4,9%, chiếm 23,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 59,04 tỷ USD, tăng 28,5%, chiếm 76,3%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 75,31 tỷ USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 25,05 tỷ USD, tăng 17%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 50,26 tỷ USD, tăng 31,5%.

Cán cân thương mại hàng hóa quý I ước tính xuất siêu 2,03 tỉ USD. Dự báo xu hướng xuất siêu sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm nay khi các hiệp định FTA của Việt Nam đi vào thực tiễn.

**Hoạt động đầu tư được đẩy mạnh để phục hồi nền kinh tế trước tác động của dịch bệnh.** Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I/2021 theo giá hiện hành ước đạt 507,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng này cho thấy tín hiệu tích cực trong việc huy động và sử dụng vốn đầu tư cho phát triển kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19 đã cơ bản kiểm soát thành công tại Việt Nam. Đây cũng là động lực quan trọng để việc huy động và sử dụng vốn đầu tư toàn xã hội sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong các quý tiếp theo của năm 2021.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/3/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 10,13 tỷ USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 234 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 7,2 tỷ USD, giảm 69,1% về số dự án và tăng 30,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 161 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 2.1 tỷ USD, tăng 97,4%; có 734 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn gần 805,3 triệu USD, giảm 58,8%. Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 179 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 281 triệu USD và 555 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 524,3 triệu USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện quý I/2021 ước tính đạt 4,1 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước.

**Thị trường chứng khoán:**

Tính từ đầu năm đến nay, tổng mức huy động vốn trên thị trường chứng khoán ước tính đạt 55.562 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 18.907 tỷ đồng/phiên, tăng 155% so với bình quân năm trước; giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 12.433 tỷ đồng/phiên, tăng 19,6%; khối lượng giao dịch bình quân trên thị trường chứng khoán phái sinh đạt 174.324 hợp đồng/phiên, tăng 11%.

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

1. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 4,89 | N/A | 14,76 |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 0,00 | N/A | 0,00 |
| **Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ** | **4,89** | **N/A** | **14,76** |
| Tăng trưởng hàng năm NAV/1 đơn vị CCQ | 4,89 | N/A | 4,49 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A (1) | N/A (1) | N/A (1) |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A (2) | N/A (2) | N/A (2) |

***Ghi chú:***

*N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.*

*N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

● Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:

● Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2021** | **31/03/2020** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| A | 1 | 2 | 3= ((1) - (2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 109.511.565.627 | 104.656.121.822 | 4,64% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 10.915,17 | 10.405,88 | 4,89% |

Trong giai đoạn từ 31/03/2020 đến 31/03/2021 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 4,64% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

1. **Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| *A* | *1* | *2* | *3* |
| Dưới 5.000 | 131 | 38.237,05 | 0,38% |
| Từ 5.000 - 10.000 | 2 | 10.100,00 | 0,10% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 2 | 25.141,30 | 0,25% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | - | - | 0,00% |
| Trên 500.000 | 1 | 9.959.489,84 | 99,27% |
| **Tổng cộng** | **136** | **10.032.968,19** | **100,00%** |

**Ghi chú:** *Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**V.** **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Mặt bằng lãi suất TPCP có thể chuyển sang giai đoạn đi ngang trong năm 2021 sau khi đã giảm về mức thấp kỷ lục năm 2020. TPCP kỳ hạn 30 năm dao động khoảng 3.1 - 3.2%/ năm. Dư địa giảm thêm của mặt bằng lãi suất đã trở nên hẹp dần hơn giai đoạn giảm liên tiếp trong hơn nhiều năm qua.

* Thứ nhất: 2021 được dự báo là “đỉnh nợ” của Việt Nam với mức đáo hạn TPCP lên đến hơn 160 nghìn tỷ đồng (chỉ tính riêng phần phát hành ra công chúng). Cộng với mức dự toán thâm hụt Ngân sách Nhà nước (NSNN) khoảng 344 nghìn tỷ, Kho Bạc Nhà Nước được dự báo sẽ phát hành khoảng 350 nghìn tỷ TPCP để đảm bảo cân đối NSNN. Nhu cầu phát hành cao khiến Chính phủ sẽ tiếp tục các chính sách tiền tệ nới lỏng để duy trì mặt bằng lợi suất thấp.
* Thứ hai: lãi suất không có nhiều dư địa để giảm thêm nếu đặt trong tương quan so sánh với lạm phát.
* Thứ ba: Thanh khoản liên ngân hàng ổn định, lãi suất vẫn còn dư địa giảm, NHNN vẫn tiếp tục không có động thái trên thị trường mở khiến cho số dư trên kênh OMO và phát hành tín phiếu ở mức không. Giải ngân vốn đầu tư công có cải thiện nhưng chưa đáng kể.

Rủi ro biến động động ngoài dự kiến cho mặt bằng lãi suất có thể sẽ đến từ: (i) khả năng Việt Nam bị đánh thuế bởi Mỹ ;(ii) mức độ nới lỏng chính sách điều hành.

Từ các phân tích thị trường, Quỹ CBPF sẽ tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư thận trọng, hạ thấp tỉ trọng các tài sản rủi ro trong giai đoạn sắp tới.

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

**Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Lâm Hải Tuấn | Chủ tịch Công ty | Kỹ sư | Trước 2005: Ông Tuấn có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí cấp cao của 2 tập đoàn tài chính, bảo hiểm toàn cầu là Metlife và Chubb Life.Từ 2005 - nay: Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt NamTừ 2012 - nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chubb Life Việt Nam |
| Bùi Thanh Hiệp | Phó chủ tịch Công ty | CPA | Từ 2001 - 2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt NamTừ 2005 - 2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt NamTừ 2010 - 2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VNTừ 2011 - 2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt NamTừ 2012 - 2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt NamTừ 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam |
| Đặng Thị Hồng Loan | Giám đốc Công ty | CFA | Từ 2010 - 2016: Trưởng phòng cấp cao Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt namTừ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt NamTừ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |

**Ban đại diện quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Trịnh Thanh Cần | Chủ tịch  | Cử nhân | Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu -Công ty Quản lý quỹ Tower MỹTừ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - MỹTừ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt NamTừ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt NamTừ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản ViệtTừ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản ViệtTừ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSCTừ 2015 - nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB |
| Nguyễn Trọng Đức | Thành viên  | Thạc sỹ | Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMGTừ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam GroupTừ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam GroupTừ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam.Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt NamTừ 6/2018 - 2019: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. |
| Trần Việt Hương | Thành viên | Luật sư | Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISCTừ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMGTừ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLCTừ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt ĐớiTừ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An GiaTừ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật AvenirTừ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân |

**Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Nguyễn Thị Bích Ngọc | Thành viên | Cử nhân | Từ 2003 - 2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông.Từ 2007 - 2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.Từ 2011 - 2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge.Từ 2013 - 2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB.Từ 2015 – nay: Phó phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |
| Đinh Thị Hồng Anh | Thành viên | Thạc sỹ | Từ 2008-2010: Nhân viên kinh doanh vốn - Ngân hàng TMCP Á Châu.Từ 2012-2013: Chuyên viên đầu tư - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt NamTừ 2014 - nay: Giám sát cấp II - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE****Phó Chủ tịch Công ty****Bùi Thanh Hiệp** |